

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Điều lệ Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp
an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 601/TTr-SNV ngày 28/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa, đã được Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa thông qua ngày 30/6/2020, bao gồm 08 chương, 26 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 9 /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa.
2. Tên tiếng Anh: Thanh Hoa association of safe and organic agricultural enterprises.
3. Tên viết tắt: Thasoae.

Điều 2. Tôn chỉ và mục đích

Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp an toàn và hữu cơ, tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hiệp hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ Hiệp hội được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.
2. Trụ sở của Hiệp hội đặt tại: Khu nông nghiệp công nghệ cao Queen Farm, thôn Dục Tú, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hiệp hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Thanh Hóa, trong lĩnh vực nông nghiệp an toàn và hữu cơ.
2. Hiệp hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hiệp hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hiệp hội và lĩnh vực Hiệp hội hoạt động; được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hiệp hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội; tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hiệp hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hiệp hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hiệp hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hiệp

hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hiệp hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hiệp hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hiệp hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hiệp hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp an toàn và hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện gia nhập Hiệp hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội.

b) Hội viên liên kết và hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội, tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện xin vào Hiệp hội, được Hiệp hội công nhận là hội viên liên kết và hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Là công dân Việt Nam đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm pháp luật; Đối với tổ chức: Là tổ chức được pháp luật Việt Nam công nhận, đang hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Tán thành Điều lệ Hiệp hội.

c) Tự nguyện xin gia nhập Hiệp hội và được Hiệp hội chấp thuận kết nạp.

d) Có tâm huyết, nhiệt tình tham gia các hoạt động của Hiệp hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hiệp hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hiệp hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội, được tham gia các hoạt động do Hiệp hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hiệp hội theo quy định của Hiệp hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hiệp hội theo quy định của Hiệp hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hiệp hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hiệp hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hiệp hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Chủ tịch Hiệp hội, Phó Chủ tịch Hiệp hội, Ban Kiểm tra Hiệp hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hiệp hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hiệp hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hiệp hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hiệp hội, không được nhân danh Hiệp hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hiệp hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hiệp hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hiệp hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hiệp hội

1. Kết nạp hội viên: Các tổ chức, cá nhân tại Điều 8 Điều lệ này có nguyện vọng gia nhập Hiệp hội nộp hồ sơ xin gia nhập gửi Ban Chấp hành Hiệp hội.

2. Hồ sơ gia nhập Hiệp hội gồm có các giấy tờ sau:

a) Đơn gia nhập Hiệp hội theo mẫu.

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân (Căn cước công dân) hoặc Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Ban Ban Chấp hành Hiệp hội sẽ xem xét và kết nạp hội viên.

4. Ra khỏi Hiệp hội: Hội viên tự nguyện xin rút khỏi Hiệp hội có gửi đơn cho Ban Thường vụ Hiệp hội. Quyền, nghĩa vụ hội viên chấm dứt khi Ban Thường vụ Hiệp hội chấp thuận.

5. Hội viên bị xóa tên khỏi danh sách hội viên khi:

a) Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến Hiệp hội.

b) Không đóng hội phí theo quy định của Hiệp hội và Hiệp hội đã thông báo nhắc nhở lần thứ 2 (hai) bằng văn bản.

c) Là pháp nhân đã ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

6. Thủ tục khai trừ và xóa tên hội viên:

a) Hội viên bị khai trừ khi có 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội tán thành.

b) Ban Thường vụ Hiệp hội thông báo danh sách hội viên xin ra khỏi Hiệp hội và hội viên bị khai trừ cho tất cả các hội viên khác biết.

Chương IV **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc Hiệp hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hiệp hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hiệp hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hiệp hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hiệp hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hiệp hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hiệp hội cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hiệp hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hiệp hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hiệp hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ Hiệp hội; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hiệp hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hiệp hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hiệp hội, các Phó Chủ tịch Hiệp hội, ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Kiểm tra Hiệp hội. Số ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành Hiệp hội:

a) Ban Chấp hành Hiệp hội hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành Hiệp hội, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

b) Ban Chấp hành Hiệp hội mỗi năm họp 04 (bốn) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ Hiệp hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành Hiệp hội là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội tham gia dự họp. Ban Chấp hành Hiệp hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành Hiệp hội quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hiệp hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội; Ban Thường vụ Hiệp hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ Hiệp hội cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Hiệp hội:

a) Giúp Ban Chấp hành Hiệp hội triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hiệp hội; lãnh đạo hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Hiệp hội.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành Hiệp hội.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành Hiệp hội; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ Hiệp hội:

a) Ban Thường vụ Hiệp hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành Hiệp hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

b) Ban Thường vụ Hiệp hội mỗi tháng họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hiệp hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ Hiệp hội là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội tham gia dự họp. Ban Thường vụ Hiệp hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ Hiệp hội quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ Hiệp hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hiệp hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra Hiệp hội do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra Hiệp hội cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra Hiệp hội:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ Hiệp hội, các quy chế của Hiệp hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hiệp hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra Hiệp hội: Ban Kiểm tra Hiệp hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành Hiệp hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 17. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hiệp hội là đại diện pháp nhân của Hiệp hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hiệp hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ Hiệp hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hiệp hội, trước Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ Hiệp hội về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hiệp hội theo quy định Điều lệ Hiệp hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ Hiệp hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành Hiệp hội; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ Hiệp hội.

d) Thay mặt Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ Hiệp hội ký các văn bản của Hiệp hội.

đ) Khi Chủ tịch Hiệp hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hiệp hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hiệp hội.

3. Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định.

Phó Chủ tịch Hiệp hội giúp Chủ tịch Hiệp hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hiệp hội theo sự phân công của Chủ tịch Hiệp hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hiệp hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hiệp hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hiệp hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ Hiệp hội phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội, thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hiệp hội phân công.

2. Tổng Thư ký Hiệp hội có nhiệm vụ:

- a) Giúp Chủ tịch Hiệp hội xử lý công việc hàng ngày của Văn phòng Hiệp hội.
- b) Thay mặt Chủ tịch Hiệp hội điều hành công tác của Hiệp hội khi được Chủ tịch Hiệp hội ủy quyền.
- c) Duyệt các báo cáo định kỳ, báo cáo hàng năm và báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành do Văn phòng Hiệp hội dự thảo khi được Chủ tịch Hiệp hội phân công hoặc ủy quyền.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc Hiệp hội

1. Văn phòng Hiệp hội, các ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Ban Thường vụ Hiệp hội và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hiệp hội, các Phó Chủ tịch Hiệp hội khi được Chủ tịch Hiệp hội phân công chỉ đạo.
2. Văn phòng Hiệp hội có trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính của Hiệp hội và điều phối các hoạt động của Hiệp hội, các ban và các tổ chức khác của Hiệp hội dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Hiệp hội.
3. Tùy theo điều kiện thực tế, Hiệp hội có thể thành lập một số ban, tổ chức pháp nhân thuộc và trực thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương V **CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT,** **GIẢI THỂ VÀ ĐỔI TÊN HIỆP HỘI**

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hiệp hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hiệp hội thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Tài chính của Hiệp hội:
 - a) Nguồn thu của Hiệp hội:
 - Lệ phí gia nhập Hiệp hội, hội phí hàng năm của Hội viên.
 - Thu từ các hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.
 - Tiền tài trợ, ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
 - Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản chi của Hiệp hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội.
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hiệp hội theo quy định của Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành Hiệp hội.

2. Tài sản của Hiệp hội: Tài sản của Hiệp hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hiệp hội. Tài sản của Hiệp hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hiệp hội, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính và tài sản của Hiệp hội

1. Tài chính, tài sản của Hiệp hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hiệp hội.
2. Tài chính, tài sản của Hiệp hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hiệp hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hiệp hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hiệp hội khen thưởng hoặc được Hiệp hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hiệp hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng hình thức: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi hội.
2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội phải có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và phải được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt mới có giá trị.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ký quyết định phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hiệp hội, Ban Chấp Hiệp hội Doanh nghiệp nông nghiệp an toàn và hữu cơ tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.